

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2020/ DSST

Ngày: 30/9/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng*

*Tín dụng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Danh Cư

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Diễm, thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: 130 đường PL, Phường B, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà MH theo văn bản uỷ quyền ngày 20/3/2020.

( Vắng mặt)

Bị đơn: Ông K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 212/76 đường AV, Phường C, Quận Y, Thành phố H.

( Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ người đại diện của nguyên đơn bà MH trình bày: Ngày 19/4/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần A ký hợp đồng tín dụng số 00918729/0004417601T18142 cho ông K vay 17.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7,5%/năm, trả vốn và lãi trong 24 kỳ tổng cộng là 19.550.000 đồng, 23 kỳ đầu trả 820.000 đồng/ kỳ, kỳ thứ 24 trả 690.000 đồng.

Ông K nhận tiền đầy đủ nhưng không thanh toán đúng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận mặc dù đã được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Ông K chỉ trả được 10 kỳ với số tiền 8.200.000 đồng, từ ngày 19/3/2019 ông K không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng. Ngày 20/3/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/9/2020 ông K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 13.186.333 đồng trong đó nợ gốc là 10.455.197 đồng, nợ lãi trong hạn là 891.261 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.839.875 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn thiếu cả gốc và lãi và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/10/2020 theo lãi suất quá hạn tại hợp đồng tín dụng 00918729/0004417601T18142 ngày 19/4/2018 cho đến ngày bị đơn trả xong vốn và lãi.

Bị đơn ông K không đến Tòa nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **XÉT THẤY :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

#### **[1]. Về Tố tụng:**

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Quận 8 nên theo quy định của các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà MH có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà MH.

#### **[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:**

Xét ngày 19/4/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần A ký hợp đồng tín dụng số 00918729/0004417601T18142 cho ông K vay 17.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7,5%/năm, trả vốn và lãi trong 24 kỳ tổng cộng là 19.550.000 đồng, 23 kỳ đầu trả 820.000 đồng/ kỳ, kỳ thứ 24 trả 690.000 đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Theo luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và bên vay có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên hợp đồng vay giữa Ngân

hàng thương mại cổ phần A và ông K đúng qui định của pháp luật. Nghĩa vụ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn nhưng ông K không trả đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ ngày 20/3/2019 ngân hàng thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ số tiền ông K còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng ông K vẫn không trả như vậy ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 30/9/2020 ông K còn thiếu Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 13.186.333 đồng trong đó nợ gốc là 10.455.197 đồng, nợ lãi trong hạn là 891.261 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.839.875 đồng. Ông K đã được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản đối chứng tỏ có việc vay nợ và thiếu nợ giữa ông K và Ngân hàng thương mại cổ phần A. Ông K đã được triệu tập đúng qui định nhưng cố ý vắng mặt khi Tòa án triệu tập xem như ông K đã tự mình từ chối thực hiện các quyền lợi hợp pháp, ông K phải tự gánh chịu mọi hậu quả pháp lý do việc vắng mặt của mình. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu ông K phải trả toàn bộ số tiền còn thiếu cùng với tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận. Tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án Nhân dân Tối cao qui định: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận”. Như vậy ông K phải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 01/10/2020 cho Ngân hàng thương mại cổ phần A trên số tiền còn thiếu theo lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng 00918729/0004417601T18142 ngày 19/4/2018.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A:

Buộc ông K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 13.186.333 đồng trong đó nợ gốc là 10.455.197 đồng, nợ lãi trong hạn là 891.261 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.839.875 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Ông K còn phải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 01/10/2020 cho Ngân hàng thương mại cổ phần A trên số tiền còn thiếu theo lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng 00918729/0004417601T18142 ngày 19/4/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông K phải chịu 659.316 (sáu trăm năm mươi chín nghìn ba trăm mười sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0043619 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thúy Hòa**

